

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh

2. Ông Cao Hữu Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2021, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Ngô Hữu L, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H trình bày: Chị và anh Ngô Hữu L tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015, quyển số 01/2015, cấp ngày 08/6/2015. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã ly thân

mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Hữu L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Ngô Trần Hữu K, sinh ngày 24/12/2015 và Ngô Trần Hữu K1, sinh ngày 29/6/2018. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2021, bị đơn anh Ngô Hữu L trình bày:

Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị H trình bày, nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Anh yêu cầu giao 02 con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Tuyết H và anh Ngô Hữu L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Chị Trần Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn anh Ngô Hữu L. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015, quyển số 01/2015, cấp ngày 08/6/2015. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh

L là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau và không còn chung sống với nhau. Chị H xác định tình cảm hiện nay với anh L không còn nữa nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh L hiện nay đang bị giam giữ trong một vụ án hình sự về tội Trộm cắp tài sản và đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Trần Hữu K, sinh ngày 24/12/2015 và Ngô Trần Hữu K1, sinh ngày 29/6/2018, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cả 02 con chung chưa thành niên nên cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ, anh L không có điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, chị H và anh L hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn anh Ngô Hữu L.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Ngô Trần Hữu K, sinh ngày 24/12/2015 và Ngô Trần Hữu K1, sinh ngày 29/6/2018. Anh Ngô Hữu L tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị Trần Thị Tuyết H và anh Ngô Hữu L hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Tuyết H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001142 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Trần Thị Tuyết H đã nộp đủ.

Chị Trần Thị Tuyết H, anh Ngô Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường L
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy